

Số: 25/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 03/2026/TLST - HNGĐ ngày 06/01/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982.

CCCD số: 033182003811, ngày cấp: 09/3/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Hữu D**, sinh năm 1980.

CCCD số: 033080002822, ngày cấp: 01/05/2021. nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đều thường trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Hưng Yên.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu D tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Phạm Hữu Gia H1, sinh ngày 09/03/2004 và cháu Phạm Hữu Hải N, sinh ngày 05/03/2012. Cả hai cháu hiện đang ở với anh, chị. Anh D và chị H thống nhất thỏa thuận: Đối với cháu Phạm Hữu Gia H1 đã thành niên và tự lập nên anh, chị không đề nghị Toà án giải quyết; Đối với cháu Phạm Hữu Hải N, anh, chị thống nhất giao cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác*: Chị H và anh D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Các bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000032 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả lại chị H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT, TTr & THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã C - Hưng Yên (GCN số 31, quyển số 01, ngày 02/5/2003 của UBND xã Đ cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Huy

